

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2020

V/v: “Chia tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - THÁI NGUYÊN**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Chu Thị Bích Hiền

**Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Quảng Thái

2. Ông Trần Trọng Tú

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

**Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên:** Bà Đinh Thị Hương Lý

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị HY, sinh năm: 1964;

Nơi thường trú: Số Nhà X1, tổ Y, phường TT, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1967;

Nơi thường trú: Tổ X, phường TĐ, TPTN, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020 đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/3/2020 bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị HY trình bày:

Bà và ông H ly hôn năm 2017, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 466/2017/QĐ-HNGĐ, ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Quốc H, về con chung không có, tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận. Trước đó ngày 11/9/2017 bà và ông H đã viết giấy thỏa thuận về việc chia tài sản khi ly hôn, tại giấy thỏa thuận ông H đã nhất trí trả cho bà tổng số tiền là 376.000.000 đồng và cam kết sẽ hoàn trả trong

thời gian ngắn nhất (Sau 06 tháng từ ngày viết anh H không trả tiền thì 2 bên thỏa thuận tính lãi ngân hàng). Sau khi lập Biên bản thỏa thuận khoảng tháng 12/2017 mẹ ông H đã trả cho bà Y số tiền 200.000.000 đồng (trả hộ ông H), khi nhận tiền thì bà Y có viết giấy đã nhận 200.000.000đ, sau đó ông H không thanh toán nốt số còn lại mặc dù bà Y đã nhiều lần yêu cầu ông H nhưng ông không thực hiện. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án xem xét buộc ông H phải thanh toán tổng số tiền là 200.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 176.000.000 đồng và tiền lãi tính từ năm 2017 đến ngày khởi kiện là 24.000.000 đồng) và tiếp tục phải trả lãi suất của số tiền chưa thanh toán.

[2] Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ông Nguyễn Quốc H thừa nhận về quá trình ly hôn và sự thỏa thuận về phần trích chia tài sản như bà Y trình bày. Tuy nhiên sau khi thỏa thuận trích chia tài sản do điều kiện khó khăn nên đến nay ông chưa trả hết số tiền như đã thỏa thuận, đến nay xác định còn nợ bà Y là 176.000.000 đồng như bà Y trình bày, ông nhất trí sẽ trả số tiền còn chưa thanh toán cho bà Y tuy nhiên ông đề nghị bà Y dẫn thời gian trả số tiền trên đến hết năm 2020, đối với số tiền lãi bà Y yêu cầu ông không nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tại phiên tòa ông H xác định số tiền thực tế nợ bà Y là 263.000.000 đồng, đã trả 200.000.000 đồng chỉ còn nợ 63.000.000, tuy nhiên hiện nay đất giữa ông và bà Y mua hiện nay vẫn còn chưa bán được nên ông không đồng ý với việc đòi tiền của bà Y, tuy nhiên ông thừa nhận Biên bản thỏa thuận ngày 11/9/2017 ông có được đọc và có ký vào biên bản.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 38 Luật hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQQH ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị HY, Buộc ông Nguyễn Quốc H phải trả tiền gốc 176.000.000 đồng và phải chịu lãi suất theo quy định.

Về án phí ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

1.1 Về Thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị HY, sinh năm 1964 với bị đơn ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1967 có địa chỉ: tổ Y (nay là tổ X), phường TĐ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên được Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 466/2017/QĐ-HNGĐ, ngày 19/9/2017, nhưng các bên không yêu cầu giải quyết tài sản, tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn bà Y đề nghị Tòa án buộc ông H phải trả nốt số tiền theo biên bản thỏa thuận ngày 11/9/2017 giữa bà và ông H do đó Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Y là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Do các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

**[2].Về nội dung vụ án:** Theo văn bản thỏa thuận ngày 11/9/2017 bà Y và ông H đã thỏa thuận ông H đã nhất trí trả cho bà Y tổng số tiền là 376.000.000 đồng, cam kết sẽ hoàn trả trong thời gian ngắn nhất (*Sau 06 tháng từ ngày viết anh H không trả tiền thì 2 bên thỏa thuận tính lãi ngân hàng*). Khoảng tháng 12/2017 mẹ đẻ ông H đã trả cho bà Y số tiền 200.000.000 đồng, đến nay bà Y xác định số tiền ông H chưa trả cho bà Y là 176.000.000 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu đồng), ông H xác định thực tế chỉ còn nợ của bà Y là 63.000.000 đồng, xác định đây là thỏa thuận phân chia tài sản vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân do ông H không thực hiện việc thỏa thuận, bà Y có đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông H phải thực hiện thỏa thuận của vợ chồng là có căn cứ phù hợp với Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

**[3]** Xét thấy thỏa thuận về chia tài sản khi ly hôn tại Biên bản thỏa thuận ngày 11/9/2017 thấy, việc thỏa thuận của bà Y, ông H là tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của Ông H và bà Y. Mặc dù văn bản thỏa thuận giữa các đương sự không thực hiện việc công chứng chứng thực theo quy định, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông H thừa nhận có việc thỏa thuận chia tài sản và có lập biên bản và ông có ký vào biên bản thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện như bà Y trình bày do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Về phương thức thanh toán: Bà Y đề nghị ông H phải trả số tiền còn nợ và lãi suất, bị đơn đồng ý trả tiền gốc theo quy định đề nghị xem xét phần lãi suất đồng thời xin gia hạn thời hạn trả số tiền trên vào cuối năm 2020, tuy nhiên bà Y không đồng ý vì ông H đã vi phạm thời hạn theo Biên bản thỏa thuận, do đó cần buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại theo Biên bản thỏa thuận cho nguyên đơn khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất: Bà Y yêu cầu xem xét buộc ông H phải trả lãi, ông H đề nghị không tính lãi tuy nhiên bà Y không đồng ý, Đối với yêu cầu tính lãi xuất của bà

Y thấy: Trong biên bản thỏa thuận xác định "*Sau 06 tháng từ ngày viết, anh Hưng không trả tiền thì 2 bên thỏa thuận tính lãi theo lãi ngân hàng*", đồng thời theo yêu cầu khởi kiện bà Y yêu cầu ông H phải trả lãi cho việc vi phạm của ông H từ năm 2018 đến ngày khởi kiện 02/03/2020 là 24.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quốc H phải chịu lãi suất của số tiền 176.000.000 đồng đến ngày tòa án thụ lý vụ án là 24.000.000 đồng. Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc Ông H có trách nhiệm trả lãi suất theo mức 10%/năm, tương ứng với mức lãi là 0,83%, số tiền lãi suất từ ngày thụ lý 25/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/6/2020 tính tròn 3 tháng  $\times 0,83\%/\text{tháng} \times 176.000.000 \text{ đồng} = 4.382.400 \text{ đồng}$ . Như vậy tổng số tiền buộc ông H phải trả cho bà Y là 204.382.400 đồng

**[2.8]** Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tại phiên tòa

**[2.5] Về án phí:** ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

*Vì các lẽ trên.*

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị HY đối với ông Nguyễn Quốc H

**[1]** Buộc ông Nguyễn Quốc H thực hiện thỏa thuận trích chia tài sản sau khi ly hôn là 204.382.400 đồng (Hai trăm linh tư triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Trong đó tiền gốc 176.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, tiền lãi là 28.382.400 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**2 Về án phí:** Ông Nguyễn Quốc H phải chịu 10.219.120 đồng (Mười triệu hai trăm mười chín nghìn, một trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung

ngân sách nhà nước; Bà Nguyễn Thị HY không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Hoàn trả bà Nguyễn Thị HY số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002872 ngày 25/03/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai có mặt bà Y, ông H. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ;
- UBND phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bích Hiền**